

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27 - 9 - 2024  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân .

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Thị Thu Hà.

Ông Bùi Đức Khoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H; nơi cư trú: Thôn E, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Đoàn Văn T; nơi cư trú: Thôn E, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Bùi Thị H là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung chị và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 11 năm 1989. Sau lễ cưới, chị H về chung sống cùng anh T tại thôn E, xã L, huyện T, Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận và có 03 con chung, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, trong việc làm ăn kinh tế không có sự tin tưởng lẫn nhau, nên vợ chồng xảy ra cãi vã xúc phạm nhau. Hiện nay, chị H đã ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị

H giữ nguyên đề nghị được ly hôn anh Đoàn Văn T. Chị và anh T có ba con chung tên Đoàn Thị N, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1990, Đoàn Văn N1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1992 và Đoàn Minh Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hiện nay, các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đoàn Văn T trình bày thống nhất với chị Bùi Thị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống cùng nhau tại thôn E, xã L, huyện T, Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H không rõ ràng minh bạch về kinh tế, dẫn đến nợ nần và phải bán đất để trang trải. Vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Nay, chị H có đơn xin được ly hôn, quan điểm của anh T là mong muốn được đoàn tụ để cùng giải quyết khó khăn về kinh tế và để cho các con có chỗ dựa. Các con chung lần lượt là Đoàn Thị N, Đoàn Văn N1 và Đoàn Minh Q đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Đoàn Văn T. Nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết**

Chị Bùi Thị H có đơn xin ly hôn với anh Đoàn Văn T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đoàn Văn T hiện đang cư trú tại thôn E, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

#### **[2] Về yêu cầu của chị Bùi Thị H ly hôn với anh Đoàn Văn T**

Chị Bùi Thị H và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc kết hôn giữa chị H và anh T là hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu xác minh tại địa phương thống nhất thể hiện, đời sống chung của chị H và anh T đã

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp và bất đồng trong sinh hoạt, trong làm ăn kinh tế vợ chồng không có sự bàn bạc thống nhất dẫn đến khi gặp khó khăn không có sự thông cảm, chia sẻ. Vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau về kinh tế và tình cảm. Trong đời sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Do mâu thuẫn, chị H và anh T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Anh Đoàn Văn T thừa nhận tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, song anh vẫn mong muốn đoàn tụ để cùng giải quyết khó khăn về kinh tế và để các con có chỗ dựa. Tại các buổi làm việc, chị Bùi Thị H kiên quyết đề nghị được ly hôn anh Đoàn Văn T, do xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Từ đây xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H đề nghị được ly hôn với anh T.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Bùi Thị H và anh Đoàn Văn T có 03 con chung là Đoàn Thị N, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1990, Đoàn Văn N1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1992 và Đoàn Minh Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hiện nay, các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung, chị Bùi Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 09/7/2024, anh Đoàn Văn T có đề nghị giải quyết về tài sản chung. Tòa án đã hai lần ra thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với anh T; yêu cầu anh T nêu rõ những tài sản chung anh đề nghị chia, giá trị của tài sản chung và các khoản nợ chung. Tuy nhiên, đã hết thời hạn theo yêu cầu, anh T vẫn không cung cấp tài liệu cho Tòa án. Tại phiên tòa, anh T không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Bùi Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Đoàn Văn T.
2. Về con chung:

Các con chung tên Đoàn Thị N, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1990, Đoàn Văn N1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1992 và Đoàn Minh Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm

2005. Hiện nay, các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0009937 ngày 23/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị H, anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lại Xuân, H. Thủy Nguyên;
- (Giấy đăng ký kết hôn ngày 27/11/1989)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**

